

## **Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022



# Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc và phê duyệt của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10 - 35

# Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 0302597576 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2002, và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất lần 32 ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính tại 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tháp Bahamas, Đảo Kim Cương, Số 1, Đường 104-BTT, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh toạ lạc tại các tỉnh khác tại Việt Nam.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh hàng hóa tân dược và dụng cụ y tế; cung cấp dịch vụ ủy thác, giao nhận hàng hóa và kho bãi.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch
Ông Đoàn Đức Vinh	Thành viên
Ông Trần Thọ Thành	Thành viên
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Thành viên
Ông Nguyễn Thiện Đức	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hùng Vượng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Thanh Toàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Công Chiến	Chủ tịch Ban điều hành	
Bà Võ Thị Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đào Văn Đại	Phó Tổng Giám đốc	bỏ nhiệm vào ngày 11 tháng 3 năm 2022
Ông Vũ Thành Chung	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm vào ngày 15 tháng 3 năm 2022

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Công Chiến.

Ông Đào Văn Đại được Ông Nguyễn Công Chiến ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Giấy Ủy quyền số 12/DL2-NS ngày 17 tháng 3 năm 2022.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị đã phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 đề ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị:



Đào Văn Đại  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

Số tham chiếu: 61087108/22994643-LR

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35 bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Nguyễn Hà Khanh Tân  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 3458-2020-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

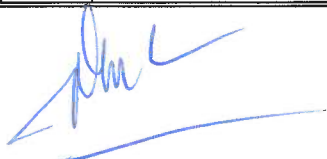
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>9.517.654.345.615</b>	<b>4.830.998.519.966</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>2.166.236.723.482</b>	<b>101.143.271.646</b>
111	1. Tiền		2.166.236.723.482	56.143.271.646
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	45.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>40.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		40.000.000.000	40.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>4.104.839.545.862</b>	<b>3.219.032.999.375</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	3.976.080.371.379	3.190.702.536.281
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	107.991.847.588	20.845.431.553
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	37.456.702.517	23.398.872.167
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(16.689.720.030)	(15.918.466.148)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		344.408	4.625.522
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>3.114.476.314.265</b>	<b>1.464.558.547.314</b>
141	1. Hàng tồn kho		3.114.476.314.265	1.464.560.422.241
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(1.874.927)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>92.101.762.006</b>	<b>6.263.701.631</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	8.294.441.893	388.537.561
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	83.807.320.113	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	-	5.875.164.070
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>280.754.386.326</b>	<b>243.269.440.834</b>
<b>210</b>	<b>I. Khoản phải thu dài hạn</b>		<b>12.702.205.400</b>	<b>12.222.619.800</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	12.702.205.400	12.222.619.800
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>32.232.600.244</b>	<b>33.177.966.021</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	6.239.301.403	7.083.079.386
222	Nguyên giá		32.917.098.588	32.917.098.588
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(26.677.797.185)	(25.834.019.202)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	25.993.298.841	26.094.886.635
228	Nguyên giá		27.641.385.872	27.641.385.872
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.648.087.031)	(1.546.499.237)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>90.977.147.219</b>	<b>57.899.963.668</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	90.977.147.219	57.899.963.668
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>15</b>	<b>66.170.000.000</b>	<b>66.170.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào các công ty con		61.170.000.000	61.170.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>78.672.433.463</b>	<b>73.798.891.345</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	61.126.063.731	62.821.021.664
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	29.3	17.546.369.732	10.977.869.681
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>9.798.408.731.941</b>	<b>5.074.267.960.800</b>

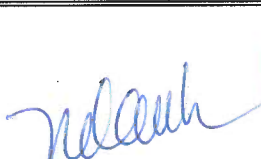
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

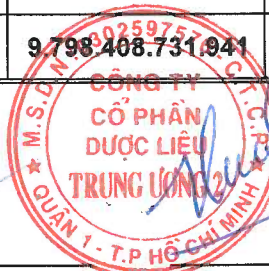
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>9.332.914.945.820</b>	<b>4.634.251.798.500</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>9.289.262.395.400</b>	<b>4.630.872.926.019</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	8.763.361.199.179	4.357.603.221.962
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	3.335.896.152	1.597.201.642
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	18.779.873.406	14.612.681.731
314	4. Phải trả người lao động		2.422.955.176	2.033.284.274
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	134.906.832.972	56.605.531.573
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	77.241.137.627	196.358.008.443
320	7. Vay ngắn hạn	21	286.369.304.494	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.15	2.845.196.394	2.062.996.394
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>43.652.550.420</b>	<b>3.378.872.481</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	1.977.409.000	1.977.409.000
338	2. Vay dài hạn	21	39.602.266.420	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	3.12	2.072.875.000	1.401.463.481
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>465.493.786.121</b>	<b>440.016.162.300</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>22.1</b>	<b>465.063.786.121</b>	<b>439.586.162.300</b>
411	1. Vốn cổ phần		254.610.000.000	254.610.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		254.610.000.000	254.610.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		27.876.760.563	27.876.760.563
415	3. Cổ phiếu quỹ		(36.000.000)	(36.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		135.617.860.538	135.617.860.538
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		919.117.294	1.241.883.623
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		46.076.047.726	20.275.657.576
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.046.657.576	(11.484.828.267)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		41.029.390.150	31.760.485.843
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>430.000.000</b>	<b>430.000.000</b>
431	1. Nguồn kinh phí		430.000.000	430.000.000
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>9.798.408.731.941</b>	<b>5.074.267.960.800</b>



Hồ Đắc Quỳnh Như  
Người lập



Hoàng Đăng Ánh  
Kế toán trưởng





Đào Văn Đại  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	12.114.874.833.643	6.832.225.883.976
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	(121.821.511.997)	(25.380.908.839)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	11.993.053.321.646	6.806.844.975.137
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(11.813.201.078.539)	(6.679.681.911.450)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		179.852.243.107	127.163.063.687
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	3.641.514.371	15.507.301.027
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	26	(6.080.914.602) (5.189.292.753)	(3.877.344.313) (3.168.355.681)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(78.730.540.132)	(63.753.722.976)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(44.674.458.694)	(32.912.322.200)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		54.007.844.050	42.126.975.225
31	11. Thu nhập khác		128.483.030	413.274.063
32	12. Chi phí khác		(2.279.683.844)	(535.653.895)
40	13. Lỗ khác		(2.151.200.814)	(122.379.832)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		51.856.643.236	42.004.595.393
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(17.395.753.137)	(5.734.423.787)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	6.568.500.051	(700.221.990)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		41.029.390.150	35.569.949.616

Hồ Đắc Quỳnh Như  
Người lập

Hoàng Đăng Ánh  
Kế toán trưởng

Đào Văn Đại  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>51.856.643.236</b>	<b>42.004.595.393</b>
	<i>Điều chỉnh cho khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	12, 13	945.365.777	962.415.126
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		1.440.790.474	(13.395.158.004)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		554.882.294	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.664.803.353)	(13.026.634.512)
06	Chi phí lãi vay	26	5.189.292.753	3.168.355.681
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>57.322.171.181</b>	<b>19.713.573.684</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(888.457.564.323)	144.194.886.342
10	Tăng hàng tồn kho		(1.649.915.892.024)	(942.547.557.960)
11	Tăng các khoản phải trả		4.359.901.693.639	567.410.149.612
12	Giảm chi phí trả trước		(36.752.972)	(4.287.636.177)
14	Tiền lãi vay đã trả		(5.189.292.753)	(3.168.355.681)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	-	(6.007.518.947)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.040.566.329)	(1.527.840.560)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>1.871.583.796.419</b>	<b>(226.220.299.687)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(105.135.615.043)	(11.607.563.462)
23	Tiền chi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	(18.000.000.000)
24	Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		-	35.000.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia		2.686.583.046	4.869.301.549
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(102.449.031.997)</b>	<b>10.261.738.087</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền thu từ đi vay		1.075.933.696.160	487.861.678.988
34	Tiền trả nợ gốc vay		(749.962.125.246)	(294.330.354.228)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(30.102.092.940)	(17.820.067.590)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>295.869.477.974</b>	<b>175.711.257.170</b>

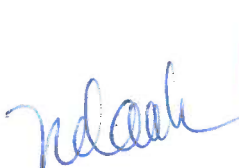
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VND

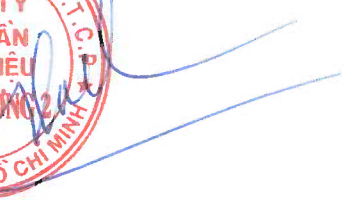
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		2.065.004.242.396	(40.247.304.430)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		101.143.271.646	149.376.071.885
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		89.209.440	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	2.166.236.723.482	109.128.767.455



Hồ Đắc Quỳnh Như  
Người lập



Hoàng Đăng Ánh  
Kế toán trưởng

Đào Văn Đại  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) số 0302597576 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 8 tháng 5 năm 2002 và GCNĐKKD điều chỉnh gần nhất lần 32 ngày 23 tháng 4 năm 2019.

Công ty có trụ sở chính tại 24 Nguyễn Thị Nghĩa, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tháp Bahamas, Đảo Kim Cương, Số 1, Đường 104-BTT, Phường Bình Trưng Tây, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có hai (2) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh khác tại Việt Nam.

Hoạt động chủ yếu trong kỳ hiện tại của Công ty là kinh doanh hàng hóa tân dược và dụng cụ y tế thông thường; cung cấp dịch vụ ủy thác, giao nhận hàng hóa và kho bãi.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 610 (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 715).

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 15, Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con (“Nhóm Công ty”) cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 để ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã đề cập trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

### 2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng hóa với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào các công ty con*

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

*Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định ("TSCĐ") hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới TSCĐ được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

TSCĐ vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản sẵn sàng vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới TSCĐ vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi TSCĐ vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	49 năm
Phần mềm máy tính	6 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	7 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

#### 3.8 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.9 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hay dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

#### 3.11 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

**3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.14 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.15 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 *Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)*

*Quý khen thưởng, phúc lợi*

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

*Cổ tức*

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Công ty và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

#### 3.16 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### 3.17 *Thuế*

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.16 Thuế (tiếp theo)

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

#### 3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tiền mặt	254.415.781	81.645.327
Tiền gửi ngân hàng	2.165.982.307.701	56.061.626.319
Các khoản tương đương tiền	-	45.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.166.236.723.482</u></b>	<b><u>101.143.271.646</u></b>

Thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ:</b>		
Cần trừ phải thu cổ tức với chi phí thuê văn phòng trả trước	6.174.193.427	-

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc sáu (6) tháng và hưởng lãi suất cố thể áp dụng.

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải thu khách hàng khác	3.058.757.653.820	2.321.242.970.079
Công ty TNHH Thương mại và Dược phẩm Sang	904.365.440.824	414.379.794.656
Bệnh viện Chợ Rẫy - Thành phố Hồ Chí Minh	233.066.423.228	135.264.393.327
Bệnh viện Ung Bướu - Thành phố Hồ Chí Minh	214.480.699.610	122.900.759.833
Công ty TNHH Dược Kim Đô	51.741.626.836	74.531.944.527
Bệnh viện và các công ty dược phẩm khác	1.655.103.463.322	1.574.166.077.736
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	917.322.717.559	869.459.566.202
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.976.080.371.379</u></b>	<b><u>3.190.702.536.281</u></b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.058.080.940)	(15.058.080.940)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>3.961.022.290.439</u></b>	<b><u>3.175.644.455.341</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	15.058.080.940	15.166.415.149
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(108.334.209)
Số cuối kỳ	<u>15.058.080.940</u>	<u>15.058.080.940</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Minh Global	38.854.080.000	-
Công ty TNHH Kỹ thuật Cơ điện lạnh Quý Long	27.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Kim Long	8.472.222.222	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Central	5.910.299.991	15.975.280.495
Nhà cung cấp khác	27.455.245.375	4.870.151.058
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>107.991.847.588</b>	<b>20.845.431.553</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.631.639.090)	(860.385.208)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>106.360.208.498</b>	<b>19.985.046.345</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng khó đòi:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Số đầu kỳ	860.385.208	860.385.208
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	771.253.882	-
Số cuối kỳ	1.631.639.090	860.385.208

**8. PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>37.456.702.517</b>	<b>23.398.872.167</b>
Chi hộ	17.395.236.760	1.378.664.657
Tạm ứng cho nhân viên	11.315.751.205	9.608.576.917
Phải thu nhập khẩu ủy thác	7.649.276.196	5.119.219.117
Lãi tiền gửi dự thu	1.096.438.356	1.118.218.049
Lợi nhuận được chia	-	6.174.193.427
<b>Dài hạn</b>	<b>12.702.205.400</b>	<b>12.222.619.800</b>
Đặt cọc	12.702.205.400	12.222.619.800
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>50.158.907.917</b>	<b>35.621.491.967</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khách hàng khác	37.944.388.117	17.232.778.740
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	12.214.519.800	18.388.713.227

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**9. NỢ QUÁ HẠN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021		VND	
	Giá trị	Giá trị Dự phòng thuần	Giá trị	Giá trị Dự phòng thuần	Giá trị thuần	
Công ty TNHH TMDV Rùa Vàng Ông Phạm Anh Tuấn	6.807.102.724	(6.807.102.724)	-	6.807.102.724	(6.807.102.724)	-
Công ty TNHH Thiên thần Cuộc sống	2.149.225.777	(2.149.225.777)	-	2.149.225.777	(2.149.225.777)	-
Khác	3.561.715.869	(3.561.715.869)	-	2.790.461.987	(2.790.461.987)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.689.720.030</b>	<b>(16.689.720.030)</b>	<b>-</b>	<b>15.918.466.148</b>	<b>(15.918.466.148)</b>	<b>-</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Hàng hóa	3.100.797.524.329	1.454.489.866.244
Hàng mua đang đi đường	13.678.789.936	10.070.555.997
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.114.476.314.265</b>	<b>1.464.560.422.241</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(1.874.927)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>3.114.476.314.265</b>	<b>1.464.558.547.314</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.294.441.893</b>	<b>388.537.561</b>
Chi phí thuế	7.747.141.960	-
Công cụ, dụng cụ	207.952.427	62.066.000
Khác	339.347.506	326.471.561
<b>Dài hạn</b>	<b>61.126.063.731</b>	<b>62.821.021.664</b>
Tiền thuê đất (i)	59.222.462.781	60.126.366.987
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	989.428.460	1.996.923.753
Khác	914.172.490	697.730.924
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>69.420.505.624</b>	<b>63.209.559.225</b>

(i) Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả trước theo các hợp đồng thuê đất để xây nhà kho ký với Công ty Cổ phần Long Hậu (ngày 19 tháng 9 năm 2018) với thời hạn thuê 39 năm và Nhà nước (ngày 30 tháng 9 năm 2008) với thời hạn thuê 20 năm.

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 21*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

## Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
						VND
<b>Nguyên giá:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	18.453.677.693	6.033.023.882	4.525.779.246	2.265.124.723	1.639.493.044	32.917.098.588
và ngày 30 tháng 6 năm 2022	5.904.399.131	640.000.700	4.316.439.246	1.875.531.542	1.439.493.044	14.175.863.663
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết						
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	12.935.082.181	4.786.087.664	4.483.380.611	2.014.706.850	1.614.761.896	25.834.019.202
Khấu hao trong kỳ	368.079.318	337.063.956	20.934.006	97.700.699	20.000.004	843.777.983
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	13.303.161.499	5.123.151.620	4.504.314.617	2.112.407.549	1.634.761.900	26.677.797.185
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	5.518.595.512	1.246.936.218	42.398.635	250.417.873	24.731.148	7.083.079.386
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	5.150.516.194	909.872.262	21.464.629	152.717.174	4.731.144	6.239.301.403

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021			
và ngày 30 tháng 6 năm 2022	26.363.882.740	1.277.503.132	27.641.385.872
<i>Trong đó:</i>			
Đã hao mòn hết	-	55.250.000	55.250.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	685.336.105	861.163.132	1.546.499.237
Hao mòn trong kỳ	49.545.294	52.042.500	101.587.794
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	734.881.399	913.205.632	1.648.087.031
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	25.678.546.635	416.340.000	26.094.886.635
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022	25.629.001.341	364.297.500	25.993.298.841

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Văn phòng Nguyễn Thị Nghĩa	71.666.219.088	52.382.660.499
Kho Long Hậu (*)	19.310.928.131	5.517.303.169
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>90.977.147.219</b>	<b>57.899.963.668</b>

(\*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 21*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

Trong kỳ, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 134.364.014 VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ vay dài hạn để tài trợ vốn cho việc xây dựng Hệ thống kho Long Hậu.

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đầu tư vào các công ty con	61.170.000.000	61.170.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.170.000.000</b>	<b>66.170.000.000</b>

## Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022		Ngày 31 tháng 12 năm 2021	
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)	% sở hữu	Giá gốc đầu tư (VND)
<b>Công ty con:</b>						
Công ty TNHH Phyto Land	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản	Đang hoạt động	59%	33.670.000.000	59%	33.670.000.000
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung	Kinh doanh bất động sản; tư vấn, môi giới và quản lý bất động sản; kho bãi và lưu trữ hàng hóa; xuất nhập khẩu hàng hóa	Đang hoạt động	94%	17.000.000.000	94%	17.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành viên Dược liệu TW 2	Buôn bán thuốc và dụng cụ y tế	Đang hoạt động	100%	10.500.000.000	100%	10.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>61.170.000.000</b>		<b>61.170.000.000</b>
<b>Công ty liên kết:</b>						
Công ty TNHH Dược liệu Trung ương 2 Phytopharma Sài Gòn	Buôn bán thuốc và dụng cụ y tế	Đang hoạt động	40%	5.000.000.000	40%	5.000.000.000

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Phải trả bên khác	8.760.047.872.030	4.355.997.217.480
Công ty TNHH Pfizer Việt Nam	1.410.764.844.951	632.447.861.869
Công ty TNHH MSD Việt Nam	981.100.644.522	795.869.189.128
Công ty TNHH Zuellig Pharma Việt Nam	936.174.976.200	457.049.065.103
Công ty TNHH Novartis Việt Nam	767.801.411.454	695.616.462.156
Công ty TNHH Servier Việt Nam	685.570.476.552	679.627.638.206
Công ty TNHH AstraZeneca Việt Nam	552.643.498.793	416.386.729.242
Công ty TNHH Bayer Việt Nam	446.125.623.031	316.062.430.788
Khác	2.979.866.396.527	362.937.840.988
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	3.313.327.149	1.606.004.482
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>8.763.361.199.179</u></b>	<b><u>4.357.603.221.962</u></b>

**17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
F. Hoffmann - La Roche AG	1.448.623.129	236.256.625
Khác	1.887.273.023	1.360.945.017
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.335.896.152</u></b>	<b><u>1.597.201.642</u></b>

**18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	17.395.753.137	(5.875.164.070)	11.520.589.067
Thuế thu nhập cá nhân	3.694.416.760	11.829.908.707	(12.237.506.710)	3.286.818.757
Thuế giá trị gia tăng	7.166.345.552	4.097.400.558	(11.263.746.110)	-
Thuế khác	3.751.919.419	944.253.446	(723.707.283)	3.972.465.582
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.612.681.731</u></b>	<b><u>34.267.315.848</u></b>	<b><u>(30.100.124.173)</u></b>	<b><u>18.779.873.406</u></b>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	83.807.320.113	-	83.807.320.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.875.164.070	-	(5.875.164.070)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.875.164.070</u></b>	<b><u>83.807.320.113</u></b>	<b><u>(5.875.164.070)</u></b>	<b><u>83.807.320.113</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Chi phí phải trả cho nhà cung cấp (*)	129.614.542.379	35.551.880.601
Chi phí mua ngoài	2.166.742.100	11.212.679.191
Chi phí nhân viên	1.135.265.000	5.755.991.866
Khác	1.990.283.493	4.084.979.915
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>134.906.832.972</u></b>	<b><u>56.605.531.573</u></b>

(\*) Đây là khoản chi phí phải trả liên quan đến dịch vụ thực hiện cho các khách hàng.

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Ngắn hạn</b>	<b>77.241.137.627</b>	<b>196.358.008.443</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	48.982.293.731	46.933.886.130
Nhận chi hộ	27.640.943.656	131.269.958.911
Cổ tức phải trả	596.849.230	17.969.942.170
Khác	21.051.010	184.221.232
<b>Dài hạn</b>	<b>1.977.409.000</b>	<b>1.977.409.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	1.977.409.000	1.977.409.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>79.218.546.627</u></b>	<b><u>198.335.417.443</u></b>

## Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	VND
<b>Ngắn hạn</b>					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	-	1.036.331.429.740	(749.962.125.246)		286.369.304.494
<b>Dài hạn</b>					
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	-	39.602.266.420	-		39.602.266.420
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>-</b>	<b>1.075.933.696.160</b>	<b>(749.962.125.246)</b>		<b>325.971.570.914</b>

#### 21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty thực hiện các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	237.109.793.032	Từ ngày 25 tháng 7 năm 2022 đến ngày 16 tháng 8 năm 2022	Lãi suất áp dụng cho từng lần giải ngân	Tin chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức	49.259.511.462	Ngày 17 tháng 10 năm 2022		Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc dự án Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác theo/phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh thương mại của khách hàng
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>286.369.304.494</b>			

## Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Công ty thực hiện khoản vay dài hạn từ ngân hàng này nhằm tài trợ nhu cầu xây dựng nhà kho. Chi tiết như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức	39.602.266.420 VND	Định kỳ mỗi 3 tháng kể từ ngày giải ngân cuối cùng nhưng không quá ngày 9 tháng 6 năm 2032	2% - 2,5%	Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và máy móc thiết bị thuộc dự án Hệ thống Kho Phytopharma tại xã Long Hậu, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An. Quyền đòi nợ, các khoản phải thu, quyền yêu cầu thanh toán khác theo/phát sinh từ các hợp đồng kinh doanh thương mại của khách hàng

#### TỔNG CỘNG

39.602.266.420

## Công ty Cổ phần Dược liệu Trung Ương 2

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

### 22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### 22.1 Tình hình thay đổi nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	254.610.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	114.141.458.851	1.801.542.894	13.383.636.912	411.777.399.220
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	35.569.949.616	35.569.949.616
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(20.366.400.000)	(20.366.400.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	21.476.401.687	2.500.000.000	(24.868.465.179)	(892.063.492)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.386.440.560)	-	(1.386.440.560)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	<b>254.610.000.000</b>	<b>27.876.760.563</b>	<b>(36.000.000)</b>	<b>135.617.860.538</b>	<b>2.915.102.334</b>	<b>3.718.721.349</b>	<b>424.702.444.784</b>
<b>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	254.610.000.000	27.876.760.563	(36.000.000)	135.617.860.538	1.241.883.623	20.275.657.576	439.586.162.300
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	41.029.390.150	41.029.390.150
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	-	-	(12.729.000.000)	(12.729.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	-	-	1.500.000.000	(2.500.000.000)	(1.000.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(1.822.766.329)	-	(1.822.766.329)
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</b>	<b>254.610.000.000</b>	<b>27.876.760.563</b>	<b>(36.000.000)</b>	<b>135.617.860.538</b>	<b>919.117.294</b>	<b>46.076.047.726</b>	<b>465.063.786.121</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**22.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Vốn đã góp</b>		
Ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021	<u>254.610.000.000</u>	<u>254.610.000.000</u>

<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố (i)	12.729.000.000	20.366.400.000
Cổ tức đã trả	30.102.092.940	17.820.067.590

(i) Trong kỳ, Công ty đã thanh toán bổ sung cổ tức năm 2021 bằng tiền tại mức 5% trên mệnh giá cổ phiếu phổ thông phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2615/DL2-NQ ĐHCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 và các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 34/NQ-HĐQT tương ứng vào ngày 26 tháng 4 năm 2022.

**22.3 Vốn cổ phần**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021
<b>Cổ phiếu được phép phát hành</b>	<b>25.461.000</b>
<b>Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ</b> Cổ phiếu phổ thông	25.461.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	(3.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	25.458.000

**22.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022			Ngày 31 tháng 12 năm 2021		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND'000	Tỉ lệ sở hữu %	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND'000	Tỉ lệ sở hữu %
Công ty TNHH						
Phytopharco Việt Nam	10.829.700	108.297.000	42,53	10.829.700	108.297.000	42,53
Ông Nguyễn Thiện Đức	3.434.816	34.348.160	13,49	3.434.816	34.348.160	13,49
Công ty Cổ phần						
Newtechco Group	2.546.100	25.461.000	10,00	-	-	-
Tổng Công ty Dược Việt Nam	2.520.000	25.200.000	9,90	2.520.000	25.200.000	9,90
Ông Nguyễn Công Chiến	1.320.480	13.204.800	5,19	1.320.480	13.204.800	5,19
Các cổ đông khác	4.806.904	48.069.040	18,88	4.806.904	48.069.040	18,88
Bà Võ Thị Tuấn Anh	-	-	-	2.546.100	25.461.000	10,00
Cổ phiếu quỹ	3.000	30.000	0,01	3.000	30.000	0,01
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>25.461.000</u></b>	<b><u>254.610.000</u></b>	<b><u>100</u></b>	<b><u>25.461.000</u></b>	<b><u>254.610.000</u></b>	<b><u>100</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Doanh thu gộp</b>	<b>12.114.874.833.643</b>	<b>6.832.225.883.976</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	11.852.474.318.671	6.551.585.586.082
Doanh thu cung cấp dịch vụ	262.400.514.972	280.640.297.894
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán trả lại	(121.821.511.997)	(25.380.908.839)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>11.993.053.321.646</b>	<b>6.806.844.975.137</b>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	11.730.652.806.674	6.526.204.677.243
Doanh thu cung cấp dịch vụ	262.400.514.972	280.640.297.894
Trong đó:		
Doanh thu với các bên khác	10.199.891.750.494	5.835.630.924.725
Doanh thu với bên liên quan (Thuyết minh số 30)	1.793.161.571.152	971.214.050.412

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Lãi tiền gửi	2.664.803.353	2.659.614.107
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	976.711.018	2.480.666.515
Lợi nhuận được chia	-	10.367.020.405
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.641.514.371</b>	<b>15.507.301.027</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Giá vốn hàng bán	11.600.245.841.118	6.472.323.734.547
Giá vốn dịch vụ cung cấp	212.955.237.421	207.358.176.903
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.813.201.078.539</b>	<b>6.679.681.911.450</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Chi phí lãi vay	5.189.292.753	3.168.355.681
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	891.621.849	708.988.632
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>6.080.914.602</u></b>	<b><u>3.877.344.313</u></b>

**27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>78.730.540.132</b>	<b>63.753.722.976</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.438.690.025	33.339.876.086
Chi phí nhân viên	19.791.245.443	15.099.293.607
Chi phí khấu hao và hao mòn	205.489.272	205.489.272
Chi phí khác	6.295.115.392	15.109.064.011
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>44.674.458.694</b>	<b>32.912.322.200</b>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.813.899.349	18.392.422.575
Chi phí nhân viên	19.720.115.816	13.153.627.504
Chi phí khấu hao và hao mòn	739.876.505	756.925.854
Chi phí khác	1.400.567.024	609.346.267
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>123.404.998.826</u></b>	<b><u>96.666.045.176</u></b>

**28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Giá vốn hàng hóa	11.535.228.449.423	6.472.323.734.547
Chi phí dịch vụ mua ngoài	208.708.463.481	132.940.713.726
Chi phí nhân viên	184.028.116.268	154.402.682.949
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 12 và 13)	945.365.777	962.415.126
Chi phí khác	7.695.682.416	15.718.410.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.936.606.077.365</u></b>	<b><u>6.776.347.956.626</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**29.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
Chi phí thuế TNDN hiện hành	17.395.753.137	5.734.423.787
(Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(6.568.500.051)	700.221.990
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.827.253.086</b>	<b>6.434.645.777</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>51.856.643.236</b>	<b>42.004.595.393</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	10.371.328.647	8.400.919.079
<i>Điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được trừ	455.924.439	107.130.779
Lợi nhuận được chia	-	(2.073.404.081)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>10.827.253.086</b>	<b>6.434.645.777</b>

**29.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**29.3 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại với các biến động trong kỳ hiện hành và kỳ trước như sau:

	<i>Bảng cân đối</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động</i>	
	<i>kế toán riêng giữa niên độ</i>		<i>kinh doanh riêng giữa niên độ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6</i>	<i>Ngày 31 tháng</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
	<i>năm 2022</i>	<i>12 năm 2021</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
Chi phí phải trả	13.793.850.726	7.513.508.770	6.280.341.956	1.989.096.450
Dự phòng phải thu khó đòi	3.337.944.006	3.183.693.230	154.250.776	(21.666.841)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	414.575.000	280.292.696	134.282.304	(10.286.840)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	374.985	(374.985)	(2.657.364.759)
<b>Tài sản thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>17.546.369.732</b>	<b>10.977.869.681</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại</b>			<b>6.568.500.051</b>	<b>(700.221.990)</b>

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan có tồn tại sự kiểm soát và các bên liên quan khác có giao dịch trọng yếu trong kỳ như sau

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty TNHH Phytopharco Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2	Công ty con
Công ty TNHH Phyto Land	Công ty con
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung	Công ty con
Công ty TNHH Dược liệu Trung ương 2 Phytopharma Sài Gòn	Công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Cho kỳ kế toán</i>	<i>Cho kỳ kế toán</i>
			<i>sáu tháng kết thúc</i>	<i>sáu tháng kết thúc</i>
			<i>ngày 30 tháng 6</i>	<i>ngày 30 tháng 6</i>
			<i>năm 2022</i>	<i>năm 2021</i>
Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2	Công ty con	Bán hàng hóa	1.793.146.336.477	971.214.050.412
		Phí hoa hồng	3.409.438.305	-
		Cổ tức	-	4.192.826.978
		Mua hàng hóa	-	2.181.612.618
Công ty TNHH Phyto Land	Công ty con	Thuê văn phòng	6.107.259.900	6.107.259.900
		Cổ tức	-	6.174.193.427
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	15.234.675	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ như sau:

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thu nhập và các lợi ích khác	<u>4.780.519.545</u>	<u>2.493.393.043</u>

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

			VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021</i>
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i></b>				
Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2	Công ty con	Bán hàng hóa	917.318.306.092	869.459.566.202
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	4.411.467	-
<b>TỔNG CỘNG</b>			<u><b>917.322.717.559</b></u>	<u><b>869.459.566.202</b></u>
<b><i>Phải thu dài hạn khác</i></b>				
Công ty TNHH Phyto Land	Công ty con	Đặt cọc	12.214.519.800	12.214.519.800
		Lợi nhuận được chia	-	6.174.193.427
			<u><b>12.214.519.800</b></u>	<u><b>18.388.713.227</b></u>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn</i></b>				
Công ty TNHH MTV Dược liệu TW 2	Công ty con	Phí hoa hồng	3.199.528.197	1.606.004.482
Công ty TNHH Phyto Land	Công ty con	Mua hàng hóa	113.798.952	-
			<u><b>3.313.327.149</b></u>	<u><b>1.606.004.482</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT**

***Cam kết thuê hoạt động - bên đi thuê***

Công ty hiện đang thuê đất và văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	17.392.707.772	17.214.289.132
Trên 1 - 5 năm	68.130.831.089	68.130.831.089
Trên 5 năm	342.442.139.838	350.958.493.724
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>427.965.678.699</u></b>	<b><u>436.303.613.945</u></b>

***Cam kết thuê hoạt động - bên cho thuê***

Công ty hiện đang cho thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đến 1 năm	9.989.656.508	11.616.564.372
Trên 1 - 5 năm	2.052.334.149	5.097.571.469
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.041.990.657</u></b>	<b><u>16.714.135.841</u></b>

***Cam kết đầu tư***

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các cam kết hợp đồng cho việc xây dự kho và tòa nhà văn phòng như sau:

	VND		
	<i>Giá trị theo hợp đồng</i>	<i>Giá trị đã ghi nhận</i>	<i>Giá trị cam kết còn lại</i>
Hệ thống kho Phytopharma	386.000.000.000	19.310.928.131	366.689.071.869
Văn phòng làm việc 24 Nguyễn Thị Nghĩa	<u>144.766.174.163</u>	<u>71.666.219.088</u>	<u>73.099.955.075</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>530.766.174.163</u></b>	<b><u>90.977.147.219</u></b>	<b><u>439.789.026.944</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2022 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

**31. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

**Cam kết góp vốn**

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các khoản cam kết góp vốn như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp Số tiền (VND)	Phần vốn cam kết còn phải góp
	Số tiền (VND)	%		Số tiền (VND)
Công ty Cổ phần Phyto Quang Trung – công ty con	25.000.000.000	96%	17.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH Phyto Land – công ty con	38.670.000.000	62,57%	33.670.000.000	5.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>63.670.000.000</b>		<b>50.670.000.000</b>	<b>13.000.000.000</b>

**32. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Ngày 30 tháng 6 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2021
Ngoại tệ các loại		
- USD	102.864	11.121,43
- EUR	885,19	899,61

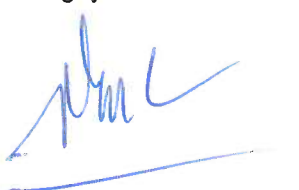
**33. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ**

**Đại dịch Covid-19**

Đại dịch Covid-19 đang dẫn đến sự suy thoái kinh tế và ảnh hưởng tiêu cực đến hầu hết các doanh nghiệp và ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Công ty đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Không có các sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.



Hồ Đắc Quỳnh Như  
Người lập



Hoàng Đăng Ánh  
Kế toán trưởng



Đào Văn Đại  
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 8 năm 2022